

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026.
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Ly và ông Đặng Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Hạnh P, sinh năm 1978, cư trú: số nhà 98, ấp 1, xã TC, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn H, sinh năm 1975, cư trú: số nhà 615, ấp ML, xã LK, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Lê Thị Hạnh P trình bày:

Bà và ông Lê Văn H cưới nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện TN (nay là xã TC), tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ quyết định. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chồng ăn chơi, không chăm lo gia đình, chồng hay ghen tuông vô cớ nên vợ thường xuyên cãi nhau. Được cha mẹ hai bên hàn gắn nên vợ chồng chung sống lại để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi con ăn học tuy nhiên chồng vẫn không thay đổi mà thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 8 năm 2025 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay bà và ông H đã sống ly thân cho đến nay. Thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H; về con

chung: có 02 con chung tên Lê Xuân H, sinh ngày 31/12/2002 (đã thành niên) và Lê Nhật T, sinh ngày 07/8/2013 hiện đang sống cùng bà P. Bà P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nhật T, sinh ngày 07/8/2013, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hạnh P do mai mối quen biết, sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới, vợ chồng vẫn chung sống vẫn hạnh phúc, thời gian chung sống vợ chồng có cự cãi, ông cũng có đi chơi như bà P trình bày, tuy nhiên hàng ngày ông vẫn phụ giúp bà P buôn bán, ông vẫn chăm lo cho gia đình. Từ tháng 8 năm 2025 vợ chồng mâu thuẫn nên bà P về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay. Nay bà P yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ thương con muốn vợ chồng hàn gắn lại để xây dựng hạnh phúc gia đình. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Xuân H, sinh ngày 31/12/2002 (đã thành niên) và Lê Nhật T, sinh ngày 07/8/2013. Hiện các cháu đang sống cùng bà P. Trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn ông đồng ý để bà P được nuôi cháu Lê Nhật T, ông không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Hạnh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Bà Lê Thị Hạnh P, từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Ông Lê Văn H, từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hạnh P đối với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Bà Lê Thị Hạnh P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhật T, sinh ngày 07/8/2013, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Bà Lê Thị Hạnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H. Ông H có nơi cư trú tại ấp ML, xã LK, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[3]. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hạnh P và ông Lê Văn H xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà P trình bày thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn vợ nguyên nhân là do chồng ăn chơi, không chăm lo gia đình, thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H. Ông H thống nhất với bà P về thời gian cưới nhau nguyên nhân mâu thuẫn là do ông đi chơi nhưng hàng ngày vẫn phụ giúp bà P buôn bán, sau khi bán xong ông mới đi chơi chứ không bỏ bê gia đình. Đến tháng 8 năm 2025 vợ bỏ về nhà cha mẹ sống và ly thân cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ con muốn vợ chồng hàn gắn lại để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của bà P ông H đã diễn ra trong thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để tới lui thăm nhau hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu cho thời gian để hàn gắn với vợ và Tòa án đã cho ông thời gian để hàn gắn với vợ nhưng ông cũng không thực hiện. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ngày càng trầm trọng. Mặc khác, bà P xác định không còn tình cảm với chồng nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hạnh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà Lê Thị Hạnh P và ông Lê Văn H xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Xuân H, sinh ngày 31/12/2002 và Lê Nhật T, sinh ngày

07/8/2013 hiện nay đang sống với bà P. Bà P và ông H đều thống nhất vợ chồng ly hôn thì bà P được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Nhật T. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện và hoàn cảnh của các bên. Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay bà P là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên tình cảm tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng, thời gian chung sống với bà P cháu T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần đồng thời được bà P tạo điều kiện cho đi học. Mặc khác, ngày 25/11/2025 tòa án tiền hành ghi nhận ý kiến của cháu T, qua ghi nhận cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó cần để bà P được tiếp tục nuôi cháu Lê Nhật T là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của con. Riêng đối với cháu Lê Xuân H, bà P, ông H xác định đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Do bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: do bà P, ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

[6]. Về án phí: bà Lê Thị Hạnh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hạnh P:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hạnh P được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: bà Lê Thị Hạnh P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nhật T, sinh ngày 07/8/2013; ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Hạnh P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: bà Lê Thị Hạnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) theo biên lai thu số 0006546 do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang cấp ngày 29 tháng 10 năm 2025. Bà P đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.khu vực 11
- Phòng THADS khu vực 11;
- UBND xã Tràm Chim, t. Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dương